|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG HƯNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |   Emblem_of_Vietnam  **DANH MỤC**  **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  **LĨNH VỰC:** **BẢO HIỂM** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG HƯNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hồng Hưng, ngày 07 tháng 7 năm 2022* |

**DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC**

**BẢO HIỂM**

**(01 Thủ tục)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | **TRANG** | |
| **1** | [Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp](javascript:void(0)) | | **3** | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |
|  | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Hà Xuân Nhiệm** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên thủ tục** | **Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp** |
| **Lĩnh vực** | Bảo hiểm |
| **Cơ quan thực hiện** | - Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp. |
| **Cách thức thực hiện** | - Bộ phận một cửa các xã, phường, thị trấn. |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
|  |  |
| **Trình tự thực hiện** | a) Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất nông nghiệp.  b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.  c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, công bố của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về địa bàn được hỗ trợ, hồ sơ đề nghị phê duyệt đối tượng được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi và báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm định, tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp. Quyết định này được gửi đến Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã có liên quan.  đ) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, thông báo trên hệ thống thông tin, truyền thông của xã và sao gửi cho tổ chức, cá |
| **Thời hạn giải quyết** | - 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật. |
| **Phí** | - Không. |
| **Lệ Phí** | - Không. |
| **Thành phần hồ sơ** | - Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.  - Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP.  - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp đối với trường hợp đối tượng được hỗ trợ là tổ chức sản xuất nông nghiệp. |
| **Số lượng bộ hồ sơ** | 01 bộ |
| **Yêu cầu - điều kiện** | - Không. |
| **Căn cứ pháp lý** | - Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;  - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/10/2010  - Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp. |
| **Biểu mẫu đính kèm** | **File mẫu:**   * Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP [**Tải về**](https://dichvucong.haiduong.gov.vn/tttl/30/giayto/2020_01/1578168733_Phu_luc_02.docx) * Đơn đề nghị xem xét, phê duyệt đối tượng được hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP [**Tải về**](https://dichvucong.haiduong.gov.vn/tttl/30/giayto/2020_01/1578168715_Phu_luc_01.docx) |
| **Kết quả thực hiện** | - Danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp;  - Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ;  - UBND cấp xã niêm yết công khai danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm. |

**BẢNG KÊ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TẠI ĐỊA BÀN TỈNH....**

**TÊN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM...**

Báo cáo tháng... (từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... năm 20...)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **HĐBH** | | | **Đối tượng hỗ trợ** | | | **Số tiền bảo hiểm (đồng)** | | | **Số phí bảo hiểm (đồng)** | | |
| **Tổ chức, cá nhân mua bảo hiểm** | **Số HĐBH** | **Ngày HĐBH** | **Nghèo, cận nghèo** | **Không thuộc nghèo, cận nghèo** | **Tổ chức** | **Cây trồng** | **Vật nuôi** | **Thủy sản** | **Tổng số** | **NSNN hỗ trợ** | **Tổ chức, cá nhân nộp** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Chúng tôi cam kết những thông tin trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *...., ngày.... tháng.... năm....* **ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT CHỦ TỊCH/TỔNG GIÁM ĐỐC** *(Ký tên và đóng dấu)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT, PHÊ DUYỆT ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày   tháng   năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số   /QĐ-TTg ngày   tháng   năm 20... của Thủ tướng Chính phủ về....;

**Trường hợp cá nhân sản xuất nông nghiệp:**

- Tên cá nhân sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]

- Ngày, tháng, năm sinh:

- CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày...tháng...năm...tại [Nơi cấp]

- Địa chỉ thường trú:

- Thuộc diện: □ Hộ nghèo □ Hộ cận nghèo □ Hộ khác

**Trường hợp tổ chức sản xuất nông nghiệp:**

- Tên tổ chức sản xuất nông nghiệp: [Tên đầy đủ]

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: [...] do [Tên cơ quan cấp] ngày ...tháng...năm...

- Địa chỉ:

- Là tổ chức sản xuất nông nghiệp thuộc diện đối tượng tổ chức được hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày   tháng   năm 20... của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ... rà soát, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chúng tôi là đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm theo Nghị định số   /2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hồ sơ kèm theo:**  - Bản kê khai về cây trồng, vật nuôi, thủy sản.... (Liệt kê đầy đủ) | *…, ngày.... tháng.... năm...* **CHỦ HỘ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...; |  |